

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1

(Đợt thi 21 tháng 05 năm 2023)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2023)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA08601	18810310391	Bùi Thị Vân	Anh	16/10/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	TA08602	19810840043	Đào Thị Lan	Anh	7/7/2001	16.0	0.0	12.0	16.0	44.0	
3	TA08603	19810710241	Đỗ Ngọc	Anh	7/7/2001	19.0	18.0	29.0	22.0	88.0	
4	TA08604	1781410402	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999	14.0	15.0	27.5	21.0	77.5	
5	TA08605	19810720224	Trần Phương	Anh	9/9/2001	21.0	19.0	17.0	23.0	80.0	
6	TA08606	20810340235	Hán Ngọc	Ánh	9/8/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	TA08607	18810430098	Dương Trọng	Bằng	4/8/2000	24.0	0.0	19.0	16.0	59.0	
8	TA08608	1781940039	Bùi Danh	Bảo	9/8/1999	22.0	13.0	18.0	18.0	71.0	
9	TA08609	19810720257	Dương Thị	Bảo	29/5/2001	22.0	16.0	21.5	22.0	81.5	
10	TA08610	18810620133	Đinh Hữu	Bình	10/11/2000	22.0	15.0	24.0	18.0	79.0	
11	TA08611	18810430244	Lê Chiến	Công	18/6/1999	20.0	18.0	19.5	11.0	68.5	
12	TA08612	DVCH	Bùi Mạnh	Cường	25/12/1981	20.0	17.0	27.5	12.0	76.5	
13	TA08613	2172010057	Nguyễn Huy	Cường	24/4/1996	20.0	20.0	26.5	19.0	85.5	
14	TA08614	18810430019	Nguyễn Văn	Đào	14/7/2000	20.0	8.0	16.5	10.0	54.5	
15	TA08615	18810310282	Nguyễn Minh	Đạt	14/8/2000	20.0	16.0	23.0	8.0	67.0	
16	TA08616	18819110015	Bùi Minh	Diệu	19/11/2000	14.0	12.0	13.5	12.0	51.5	
17	TA08617	1781410321	Hoàng Minh	Đức	5/7/1999	8.0	17.0	28.5	23.0	76.5	
18	TA08618	18810430030	Lê Trung	Đức	23/10/2000	17.0	15.0	29.0	14.0	75.0	
19	TA08619	18810310075	Nguyễn Trọng	Đức	25/6/2000	16.0	2.0	13.5	13.0	44.5	
20	TA08620	DVCH	Bế Ngọc	Dương	25/12/1982	12.0	14.0	26.5	16.0	68.5	
21	TA08621	1781310027	Phạm Hoàng	Dương	24/12/1999	14.0	19.0	20.5	16.0	69.5	
22	TA08622	19810810105	Nguyễn Thu	Hà	26/8/2001	13.0	8.0	21.5	8.0	50.5	
23	TA08623	18810420294	Lê Văn	Hải	26/9/2000	20.0	10.0	14.5	17.0	61.5	
24	TA08624	19810430335	Nguyễn Đức	Hải	10/7/2001	22.0	16.0	28.5	8.0	74.5	
25	TA08625	19810710177	Lê Thị Minh	Hạnh	13/2/2001	12.0	0.0	13.0	9.0	34.0	
26	TA08626	1681710004	Nguyễn Thị	Hạnh	20/7/1998	12.0	18.0	15.5	17.0	62.5	
27	TA08627	DVCH	Chu Trung	Hiếu	21/09/1996	11.0	17.0	10.5	8.0	46.5	
28	TA08628	18810430091	Đinh Nguyên	Hiếu	2/11/2000	23.0	14.0	26.5	19.0	82.5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
29	TA08629	19810810026	Lê Hoàng	Hiếu	20/8/2000	24.0	17.0	23.0	18.0	82.0	
30	TA08630	DVCH	Nguyễn Quốc	Hiếu	14/1/1998	23.0	14.0	10.5	20.0	67.5	
31	TA08631	19810810129	Hoàng Thị Việt	Hoa	22/4/2001	0.0	18.0	12.0	4.0	34.0	
32	TA08632	19810810076	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	12/4/2001	23.0	19.0	21.5	23.0	86.5	
33	TA08633	18810170187	Nguyễn Việt	Hoàng	22/9/2000	23.0	19.0	30.0	23.0	95.0	
34	TA08634	DVCH	Trần Ngọc	Hoàng	05/06/1997	22.0	16.0	23.0	19.0	80.0	
35	TA08635	18810310404	Trần Xuân	Hoàng	31/3/2000	23.0	8.0	24.0	17.0	72.0	
36	TA08636	19810810035	Nguyễn Thu	Huệ	23/8/2001	24.0	9.0	28.5	21.0	82.5	
37	TA08637	19810720221	Trần Phi	Hùng	27/12/2001	24.0	17.0	27.5	18.0	86.5	
38	TA08638	19810810036	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/9/2001	12.0	13.0	16.5	8.0	49.5	
39	TA08639	18810310395	Bùi Quang	Huy	11/10/2000	22.0	1.0	18.0	9.0	50.0	
40	TA08640	18819110007	Lương Ngọc	Huỳnh	23/8/2000	13.0	13.0	27.5	14.0	67.5	
41	TA08641	18810310719	Phạm Đình	Huỳnh	12/5/2000	20.0	11.0	28.5	19.0	78.5	
42	TA08642	18810310262	Nguyễn Văn	Khải	25/9/2000	24.0	14.0	20.5	18.0	76.5	
43	TA08643	18810310246	Vũ Hồng	Khiêm	6/1/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	TA08644	18810430082	Lương Quý	Kiên	14/10/2000	25.0	8.0	25.5	17.0	75.5	
45	TA08645	1781310039	Ngô Trung	Kiên	11/2/1999	20.0	19.0	22.5	15.0	76.5	
46	TA08646	1781310040	Nguyễn Đức	Kiên	8/1/1999	23.0	18.0	17.0	16.0	74.0	
47	TA08647	18810420303	Hoàng	Lâm	9/8/2000	21.0	14.0	28.5	15.0	78.5	
48	TA08648	19810710190	Nguyễn Thị Thuý	Linh	2/11/2001	24.0	18.0	29.0	19.0	90.0	
49	TA08649	18810430086	Trịnh Hải	Linh	23/10/2000	20.0	12.0	20.5	15.0	67.5	
50	TA08650	18810540146	Nguyễn Bảo	Long	20/10/2000	24.0	18.0	29.0	19.0	90.0	
51	TA08651	18810430003	Nguyễn Ngọc Nam	Long	23/7/2000	25.0	10.0	29.0	19.0	83.0	
52	TA08652	18810430003	Nguyễn Ngọc Nam	Long	23/7/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
53	TA08653	18810310218	Phạm Thanh	Long	17/9/2000	19.0	14.0	16.5	18.0	67.5	
54	TA08654	18810430075	Trần Đình	Long	28/2/2000	23.0	17.0	21.5	10.0	71.5	
55	TA08655	18819110026	Trần Hoàng	Long	4/12/2000	23.0	12.0	15.5	15.0	65.5	
56	TA08656	18810840091	Trần Phi	Long	3/5/2000	23.0	19.0	28.5	20.0	90.5	
57	TA08657	18810170067	Hoàng Văn	Lương	31/10/2000	23.0	18.0	24.0	17.0	82.0	
58	TA08658	18810310190	Hồ Sỹ	Lưu	5/1/2000	18.0	14.0	23.0	19.0	74.0	
59	TA08659	19810430136	Hà Công	Minh	9/2/2001	23.0	15.0	29.0	20.0	87.0	
60	TA08660	DVCH	Ngô Huyền	My	10/05/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
61	TA08661	18810170054	Doãn Phương	Nam	27/2/2000	21.0	11.0	29.0	16.0	77.0	
62	TA08662	18810340681	Nguyễn Ngọc	Nga	29/12/2000	23.0	19.5	26.5	20.0	89.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
63	TA08663	18810310079	Tổng Minh	Ngọc	29/3/2000	21.0	18.0	30.0	11.0	80.0	
64	TA08664	1781510240	Nguyễn Duy	Phương	27/10/1999	20.0	9.0	25.5	15.0	69.5	
65	TA08665	19810720255	Phạm Thu	Phương	16/11/2001	24.0	18.0	30.0	21.0	93.0	
66	TA08666	18810620136	Hoàng Khắc	Quân	15/2/2000	22.0	19.0	10.5	10.0	61.5	
67	TA08667	18810540120	Nguyễn Anh	Quân	26/9/2000	20.0	16.0	27.5	20.0	83.5	
68	TA08668	19810810103	Vũ Thúy	Quỳnh	25/10/2001	20.0	7.0	25.5	20.0	72.5	
69	TA08669	19810810052	Nguyễn Như	Quỳnh	4/11/2001	18.0	2.0	29.0	18.0	67.0	
70	TA08670	19810810113	Nguyễn Như	Quỳnh	19/10/2001	17.0	12.0	27.5	15.0	71.5	
71	TA08671	19810810052	Nguyễn Như	Quỳnh	4/11/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
72	TA08672	19810810040	Phan Thị Như	Quỳnh	29/8/2001	18.0	17.0	29.0	18.0	82.0	
73	TA08673	18810720217	Vũ Thuý	Quỳnh	24/9/2000	19.0	17.0	28.5	14.0	78.5	
74	TA08674	18810220004	Nguyễn Thị	Sớm	23/10/2000	16.0	7.0	29.0	8.0	60.0	
75	TA08675	18810410042	Nguyễn Hoài	Sơn	6/8/2000	23.0	15.0	29.0	20.0	87.0	
76	TA08676	18810230005	Nguyễn Quý	Sơn	17/10/2000	20.0	17.0	24.0	17.0	78.0	
77	TA08677	1781510248	Trần Thế	Sơn	18/11/1999	17.0	15.0	27.5	16.0	75.5	
78	TA08678	18810410200	Nguyễn Anh	Tài	4/7/2000	20.0	6.0	27.5	17.0	70.5	
79	TA08679	18810540079	Lê Văn	Thái	21/4/2000	20.0	12.0	30.0	17.0	79.0	
80	TA08680	18810310280	Nguyễn Văn	Thái	25/10/2000	0.0	0.0	7.5	0.0	7.5	
81	TA08681	19810710219	Lê Ngọc	Thành	17/9/2001	21.0	11.0	13.0	14.0	59.0	
82	TA08682	18810310188	Trương Tất	Thành	23/4/2000	20.0	16.0	29.0	14.0	79.0	
83	TA08683	19810810034	Nguyễn Phương	Thảo	6/3/2001	20.0	16.0	27.5	20.0	83.5	
84	TA08684	DVCH	Phan Văn	Thọ	10/02/1990	21.0	17.0	25.5	18.0	81.5	
85	TA08685	19810720140	Vũ Thị	Thoảng	7/9/2000	8.0	8.0	13.5	23.0	52.5	
86	TA08686	19810810033	Nguyễn Thị	Thu	1/5/2001	19.0	17.0	28.5	18.0	82.5	
87	TA08687	18810430072	Lê Thanh	Thuận	14/9/2000	8.0	7.0	18.0	18.0	51.0	
88	TA08688	18810620111	Ngô Anh	Tiếp	3/12/2000	20.0	19.0	18.0	21.0	78.0	
89	TA08689	18810420316	Đỗ Văn	Trung	20/2/2000	21.0	18.0	26.5	20.0	85.5	
90	TA08690	18810230047	Nguyễn Đức	Trung	11/11/2000	21.0	18.0	25.0	21.0	85.0	
91	TA08691	2172010078	Nguyễn Thành	Trung	20/12/1995	18.0	15.0	15.5	22.0	70.5	
92	TA08692	DVCH	Hà Thanh	Tùng	11/02/1998	25.0	19.0	27.5	21.0	92.5	
93	TA08693	18810620150	Nguyễn Đình	Tùng	26/7/2000	21.0	17.0	19.5	18.0	75.5	
94	TA08694	18810430125	Nguyễn Hữu	Tùng	12/10/2000	9.0	13.0	30.0	20.0	72.0	
95	TA08695	18810410154	Lê Thành	Văn	2/1/2000	21.0	15.0	30.0	21.0	87.0	
96	TA08696	18819120013	Dương Ngọc	Việt	20/2/2000	19.0	17.0	25.0	15.0	76.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
97	TA08697	DVCH	Hoàng Đức	Việt	24/09/1984	25.0	15.0	30.0	8.0	78.0	
98	TA08698	DVCH	Nguyễn Hoàng	Vượng	13/01/1994	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
99	TA08699	19810810039	Nguyễn Thị	Yến	28/12/2001	18.0	19.0	30.0	20.0	87.0	
100	TA08700	DVCH	Lê Thị Kim	Ngọc	25/11/1981	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 100 thí sinh